Y3 Mathematics Multiplication and Division				
Times Tables Facts			Vocabulary	LIONHEART EDUCATIONAL
3x Table 3x Table	4x Table 8x Table	8x Table	multiply	repeatedly adding the same amount the amount increases
$0 \times 3 = 0 0 \div 3 = 0$ $1 \times 3 = 3 3 \div 3 = 1$ $2 \times 3 = 6 6 \div 3 = 2$	$0 \times 4 = 0$ $0 \div 4 = 0$ $0 \times 8 = 0$ $1 \times 4 = 4$ $4 \div 4 = 1$ $1 \times 8 = 8$ $2 \times 4 = 8$ $8 \div 4 = 2$ $2 \times 8 = 16$	0 ÷ 8 = 0 8 ÷ 8 = 1 16 ÷ 8 = 2	multiple	the result of multiplying a number by a whole number
3 x 3 = 9 4 x 3 = 12 12 ÷ 3 = 4	3 x 4 = 12 12 ÷ 4 = 3 3 x 8 = 24 4 x 4 = 16 16 ÷ 4 = 4 4 x 8 = 32	24 ÷ 8 = 3 32 ÷ 8 = 4	divide	split into equal parts or groups
5 x 3 = 15 6 x 3 = 18 18 ÷ 3 = 6	5 x 4 = 20 20 ÷ 4 = 5 5 x 8 = 40 6 x 4 = 24 24 ÷ 4 = 6 6 x 8 = 48	40 ÷ 8 = 5 48 ÷ 8 = 6	inverse	the reverse of - multiplication is the inverse of division
7 x 3 = 21 21 ÷ 3 = 7 8 x 3 = 24 24 ÷ 3 = 8	$7 \times 4 = 28$ $28 \div 4 = 7$ $7 \times 8 = 56$ $8 \times 4 = 32$ $32 \div 4 = 8$ $8 \times 8 = 64$	56 ÷ 8 = 7 64 ÷ 8 = 8	array	sets of objects arranged in rows and columns
9 x 3 = 27 27 ÷ 3 = 9 10 x 3 = 30 30 ÷ 3 = 10 11 x 3 = 33 33 ÷ 3 = 11	9 x 4 = 36 36 ÷ 4 = 9 9 x 8 = 72 10 x 4 = 40 40 ÷ 4 = 10 10 x 8 = 80 11 x 4 = 44 44 ÷ 4 = 11 11 x 8 = 88	72 ÷ 8 = 9 80 ÷ 8 = 10 88 ÷ 8 = 11	Commutative	numbers can be multiplied in any order.
$11 \times 3 = 33$ $12 \times 3 = 36$ $36 \div 3 = 12$	12 x 4 = 48 48 ÷ 4 = 12 12 x 8 = 96	96 ÷ 8 = 12	Factor	A number that multiplies with another to make a product.
Associated Facts and Using the Inverse Related Calculations 3 × 4 = 12			Product	The result of multiplying one number by another.
3 x 5 = 15 15 ÷ 5 = 3			Dividend	In division, the number that is divided.
60000 5 x 3 = 15	30 × 4 = 120		Divisor	In division, the number by which another is divided.
15 ÷ 3 = 5			Quotient	The result of a division

